TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **393**/2023/ST-HNGĐ
Ngày: 11/8/2023
V/v *Tranh chấp xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **H**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **T**
Ông **B**
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà T, Thư ký
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:* Bà M - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 94/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1985
CCCD/CMND số: 03518500**** do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày **/**/20**; Nơi ĐKHKTT: Phòng *, nhà *, Tập thể Công ty M, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Nhà số *, ngách *, ngõ *, đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.
(Bà L có mặt tại phiên toà).
Bị đơn: Ông H, sinh năm 1977
CCCD/CMND số: 04207700**** do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày **/**/20**; Nơi ĐKHKTT: Phòng *, nhà *, Tập thể Công ty M, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Phòng *, nhà *, Tập thể Công ty M, phường T, quận T, thành phố Hà Nội;
(Ông H vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn, bản tự khai, và các biên bản làm việc tại tòa án, nguyên đơn là bà L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại UBND phường T, thành phố U, tỉnh Q trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận tại Phòng *, nhà *, Tập thể Công ty M, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, lối sống không hợp, không còn tôn trọng và yêu thương nhau. Ông, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả và hiện nay ông, bà đã sống ly thân. Bà L nhận thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn và không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông H. Do vậy, bà L làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với ông H để bà có điều kiện ổn định cuộc sống riêng, yên tâm chăm sóc giáo dục con chung.

Về con chung: Bà L xác nhận bà và ông H có 02 con chung là cháu Q, sinh ngày **/**/20** và cháu G, sinh ngày **/**/20** . Sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, cháu Q có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Bà L và ông H thoả thuận, đề nghị ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi cho chung cho nhau.

Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Bà L và ông H không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà L tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các vấn đề khác: Bà L không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông H: Trong toàn bộ quá trình giải quyết ông H không có mặt và cũng không gửi ý kiến hoặc trình bày gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L. Toà án nhân dân Quận T, Văn phòng thừa phát lại đã thực hiện việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho ông H theo quy định nhưng không gặp được, L lạc điện thoại theo số điện thoại nguyên đơn cung cấp để tống đạt văn bản thì ông H nghe một lần và không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã gửi tống đạt các văn bản tố tụng và Quyết định xét xử cho ông H, ông H đã nhận được nhưng không có ý kiến gì và không tham gia phiên toà.

Tại phiên tòa: Bà L vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại các buổi làm việc tại Toà án và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H. Về con chung: Giao cháu Q, sinh ngày **/**/20** cho bà L và giao cháu G, sinh ngày **/**/20** cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho

nhau, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Bà L, ông H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Bà L, ông H không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của bà L xin ly hôn với ông H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông H có nơi cư trú tại quận T, thành phố Hà Nội nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân Quận T.

- Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được Toà án tống đạt theo đúng quy định nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn đối với ông H thấy: Bà L và ông H kết hôn có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 16/02/2009 tại UBND phường T, thành phố U, tỉnh Q trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Ông, bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau nguyên nhân vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, nên thường nảy sinh những bất đồng. Vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thể hàn gắn được, nên bà L làm đơn xin ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống của bà L và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là cháu Q, sinh ngày **/**/20** và cháu G, sinh ngày **/**/20** . Sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, cháu Q có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Bà L thoả thuận và đề nghị ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho

nhau, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc khi có thay đổi khác là có có cơ sở chấp nhận. Ông H, bà L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Bà L và ông H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về những vấn đề khác: Bà L không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 277; Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H. Bà L được ly hôn ông H.

2. Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là cháu Q, sinh ngày **/**/20** và cháu G, sinh ngày **/**/20**. Giao cháu Q cho mẹ là bà L và giao cháu G cho bố là ông H chăm sóc nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông H, bà L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, và vay nợ chung: Bà L và ông H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về những vấn đề khác: Bà L và ông H không có yêu cầu gì khác.

5. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0008847 ngày 15/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, bà L có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi Cục THADS T;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

H